**Phụ lục**

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG, QUY TRÌNH THỰC HIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SVHTTDL ngày /5/2025 của Sở VHTTDL)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (CẤP TỈNH)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **1** | Kiểm kê di tích. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **2** | Phê duyệt Quy hoạch khảo cổ ở địa phương. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **3** | Điều chỉnh Quy hoạch khảo cổ ở địa phương. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **4** | Lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **5** | Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **6** | Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **7** | Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh. | Di sản văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **8** | Xét công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. | Văn hóa cơ sở | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **9** | Xét công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. | Văn hóa cơ sở | UBND tỉnh; Sở VHTTDL |
| **10** | Phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh. | Mỹ thuật | UBND tỉnh; Sở VHTTDL |
| **11** | Điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh. | Mỹ thuật | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **12** | Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện. | Thư viện | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **13** | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện. | Thư viện | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **14** | Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện. | Thư viện | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **15** | Phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng. | Văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **16** | Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh. | Văn hóa | UBND tỉnh;  Sở VHTTDL |
| **17** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **18** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **19** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **20** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **21** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **22** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **23** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **24** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **25** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **26** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **27** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **28** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **29** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **30** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên | Thể dục thể thao | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **31** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính | Thể dục thể thao | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **32** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **33** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **34** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng I | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **35** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **36** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **37** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **38** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hoá | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **39** | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá lên Tuyên truyền viên văn hoá chính | Văn hoá | UBND tỉnh;  Sở Nội vụ;  Sở VHTTDL |
| **40** | Thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội bằng hình thức băng rôn, bảng. | Thông tin tuyên truyền | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 41 | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” | Văn hóa | UBND tỉnh; |
| 42 | Ban hành Thông cáo báo chí giải thích, làm rõ thông tin sai lệch. | Thông tin và Truyền thông | Sở VHTTDL |
| 43 | Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu đối với xuất bản phẩm dạng in. | Thông tin và Truyền thông | Sở VHTTDL |

**PHẦN II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Thủ tục kiểm kê di tích**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Bảo tàng tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích trình Sở VHTTDL.

- Bước 2: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét phê duyệt Kế hoạch kiểm kê, phân loại/kê khai bổ sung di tích.

- Bước 3: Bảo tàng tỉnh tiến hành thực hiện kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích.

- Bước 4: Bảo tàng tỉnh báo cáo kết quả, lập danh mục kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích trình lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bước 5: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét trình Chủ tịch Ủy ban  
nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích.

- Bước 6: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Danh mục  
kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản.

**1.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ**

- Tờ trình của Bảo tàng tỉnh gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích kèm theo (Kế hoạch kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích được phê duyệt; Báo cáo kết quả kiểm kê của Bảo tàng tỉnh và Danh mục kiểm kê di tích).

- Tờ trình của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Chủ tịch Ủy ban nhân  
dân tỉnh về kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích kèm báo cáo kiểm kê và  
danh mục kiểm kê.

**b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

**1.4. Thời hạn giải quyết:**Theo Kế hoạch kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

**1.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bảo tàng tỉnh Tây Ninh.

**1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):**Không có.

**1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục kiểm kê phân loại/kê khai bổ sung di tích.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

-Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

**2. Thủ tục phê duyệt Quy hoạch khảo cổ ở địa phương.**

**2.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Bảo tàng tỉnh lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; sưu tầm thông tin, tài liệu, thực hiện khảo sát, đánh giá các địa điểm khảo cổ trong lòng đất và dưới nước, là nơi đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu là nơi lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học để làm cơ sở lập quy hoạch; hoàn thiện quy hoạch trình Sở VHTTDL gửi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan;

- Bước 2: Bảo tàng tỉnh tham mưu Sở VHTTDL tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch lập hồ sơ trình Hội đồng thẩm định quy hoạch; hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định; trình Bộ trưởng Bộ VHTTDL cho ý kiến về hồ sơ quy hoạch.

- Bước 3: Bảo tàng tỉnh tham mưu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 4: Sở VHTTDL trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt quy hoạch.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản.

**2.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình; hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch khảo cổ (báo cáo thuyết minh quy hoạch khảo cổ; sơ đồ/bản đồ phân bố các địa điểm khảo cổ); dự thảo quyết định phê duyệt.

**b. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Theo Kế hoạch được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

**2.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bảo tàng tỉnh Tây Ninh.

**2.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**2.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**2.11. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa.

**3. Điều chỉnh Quy hoạch khảo cổ ở địa phương.**

**3.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Bảo tàng tỉnh tham mưu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch khảo cổ.

- Bước 2: Bảo tàng tỉnh tham mưu Sở VHTTDL tổ chức lập, thẩm định quy hoạch điều chỉnh, bổ sung

- Bước 3: Bảo tàng tỉnh tham mưu Sở VHTTDL: Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; sưu tầm thông tin, tài liệu, thực hiện khảo sát, đánh giá bổ sung các địa điểm khảo cổ trong lòng đất và dưới nước, là nơi đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu là nơi lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học để làm cơ sở lập quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; hoàn thiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung.

- Bước 4: : Bảo tàng tỉnh tham mưu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; hoàn thiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định; trình Bộ trưởng Bộ VHTTDL cho ý kiến về hồ sơ quy hoạch điều chỉnh, bổ sung.

- Bước 5: Sở VHTTDL trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản.

**3.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình; hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch khảo cổ điều chỉnh, bổ sung (báo cáo thuyết minh quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; sơ đồ/bản đồ phân bố các địa điểm khảo cổ); dự thảo quyết định phê duyệt.

**b. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** Theo Kế hoạch được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

**3.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Bảo tàng tỉnh Tây Ninh.

**3.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**3.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**3.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**3.11. Căn cứ pháp lý**

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sảnVăn hóa 2009;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiếtthi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa.

**4. Thủ tục lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh.**

**4.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ lập, lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch di tích; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan nghiên cứu, xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 2: Đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ lập quy hoạch di tích, trình Sở VHTTDL thẩm định đối với cụm di tích cấp tỉnh, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh.

- Bước 3: Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với di tích cấp tỉnh;

**4.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản.

**4.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ vị trí di tích; bản đồ hiện trạng; bản đồ xác định khu vực; dự thảo quyết định quy hoạch di tích…

**b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**4.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

**4.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan giải quyết: Sở VHTTDL

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Sở VHTTDL; cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Tây Ninh.

**4.6. Đối tượng thực hiện:** Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh.

**4.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (Tờ trình theo mẫu số 01, 02 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP).

**4.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**4.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**4.10. Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**4.11. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018.

**5. Thủ tục phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia.**

**5.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Sở VHTTDL thẩm định, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt đối với di tích cấp tỉnh.

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt đối với di tích cấp tỉnh;

**5.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản.

**5.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình; báo cáo thuyết minh tổng hợp; bản đồ vị trí di tích; bản đồ hiện trạng; bản đồ xác định khu vực; dự thảo quyết định quy hoạch di tích…

**b. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt. Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

**5.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở VHTTDL.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Tây Ninh.

**5.6. Đối tượng thực hiện:** Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh.

**5.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (Tờ trình theo mẫu số 02 NĐ số 166/2018/NĐ-CP).

**5.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**5.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt.

**5.10. Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**5.11. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Nghị định số 67/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018.

**6. Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích** **thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.**

**6.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh.

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền để phê duyệt.

**6.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản.

**6.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình; báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích…

**b. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**6.4. Thời hạn giải quyết:**

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt.

**6.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở VHTTDL.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền để phê duyệt.

**6.6. Đối tượng thực hiện:** UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn, thị xã, thành phố; Sở VHTTDL; cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND tỉnh.

**6.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** (Tờ trình theo mẫu số 03 NĐ số 166/2018/NĐ-CP).

**6.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**6.9. Kết quả** **thực hiện thủ tục hành chính**: Quyết định phê duyệt.

**6.10. Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**6.11. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

**7. Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.**

**7.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh có phát hiện mới về di tích.

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền để phê duyệt.

**7.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua hệ thống quản lý văn bản.

**7.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

**a. Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình; báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích…

**b. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**7.4. Thời hạn giải quyết:**

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt.

**7.5. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở VHTTDL.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Thủ trưởng bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích hoặc người được ủy quyền để phê duyệt.

**7.6. Đối tượng thực hiện:** UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn, thị xã, thành phố; Sở VHTTDL; cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND tỉnh.

**7.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**7.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**7.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt.

**7.10. Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**7.11. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Di sản văn hóa 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa 2009;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

**8. Thủ tục xét công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh**

**8.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Lập hồ sơ**

- UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh.

- UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

**Bước 2: Thẩm định hồ sơ**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Hội đồng).

- Thành viên của Hội đồng bao gồm:

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Phó Chủ tịch là Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, lãnh đạo Sở Xây dựng là Phó Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, sở, ban, ngành có liên quan là thành viên Hội đồng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt. Cơ quan thường trực Hội đồng thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg.

**8.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**8.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*- Thành phần hồ sơ:*

Thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh nơi đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh lập hồ sơ bao gồm:

(1) Tờ trình đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

(2) Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh.

(3) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh của người dân.

(4) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả tham gia xây dựng đô thị văn minh.

(5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**8.4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**8.5. Đối tượng thực hiện TTHC:**

UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh.

**8.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các sở, ban, ngành có liên quan của cấp tỉnh.

**8.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Quyết định và Giấy công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

**8.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

1. Điều kiện xét công nhận thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

a) Có đăng ký thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh với UBND cấp tỉnh.

b) Đạt các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 (nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg).

c) Thời gian đăng ký: 02 năm, đối với công nhận lần đầu.

d) Có 100% phường, thị trấn trực thuộc được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

đ) Có 100% xã trực thuộc (nếu có) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

**8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2022.

**9. Thủ tục xét, công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.**

**9.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Lập hồ sơ**

- UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh.

- UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

**Bước 2: Thẩm định hồ sơ**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (gọi tắt là Hội đồng).

- Thành viên của Hội đồng bao gồm:

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Phó Chủ tịch là Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, lãnh đạo Sở Xây dựng là Phó Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, sở, ban, ngành có liên quan là thành viên Hội đồng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt. Cơ quan thường trực Hội đồng thuộc UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận lại khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh. Trường hợp không không công nhận lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Giấy công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg.

**9.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*a) Thành phần hồ sơ:*

Thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh nơi đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh lập hồ sơ bao gồm:

(1) Tờ trình đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh.

(2) Báo cáo kết quả xây dựng đô thị văn minh.

(3) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh về kết quả lấy ý kiến hài lòng và đồng ý đề nghị công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh của người dân.

(4) Báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả tham gia xây dựng đô thị văn minh.

(5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

*b) Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

**9.4. Thời hạn giải quyết:**

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**9.5. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các sở, ban, ngành có liên quan của cấp tỉnh.

**9.6. Đối tượng thực hiện TTHC:**

UBND thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh.

**9.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**9.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**9.9. Kết quả thực hiện TTHC:**

Quyết định và Giấy công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

**9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

Điều kiện xét công nhận lại thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

(1) Có đăng ký thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh với UBND cấp tỉnh.

(2) Đạt các tiêu chí tại khoản 1 Điều 10 (nội dung đánh giá theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg).

(3) Thời gian đăng ký: 05 năm, đối với công nhận lại.

(4) Có 100% phường, thị trấn trực thuộc được công nhận lại đạt chuẩn đô thị văn minh.

(5) Có 100% xã trực thuộc (nếu có) được công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới.

**9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 04 năm 2022.

**10. Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.**

**10.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Xây dựng quy hoạch:**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng tỉnh.

**Bước 2: Thẩm định, phê duyệt quy hoạch:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong  
thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

**10.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.**

**10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a.** Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình;

(2) Thuyết minh nội dung quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy  
hoạch;

(3) Bản sao ý kiến đồng ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với quy  
hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh (Quy hoạch có nội dung cơ bản: Sự  
cần thiết lập quy hoạch; Căn cứ lập quy hoạch; Quan điểm và nguyên tắc; Mục  
tiêu quy hoạch; Các tiêu chí nội dung, nghệ thuật, kỹ thuật, kiến trúc, quy mô quy  
hoạch; Giải pháp thực hiện quy hoạch; Tổ chức thực hiện quy hoạch).

**b.**Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**10.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì trong  
thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

**10.5. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

**10.6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**10.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Văn bản phê duyệt quy hoạch của UBND tỉnh.

**10.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

**10.11 Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ  
về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

**11. Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.**

**11.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Xây dựng nội dung điều chỉnh quy hoạch**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh.

**Bước 2: Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban  
nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt điều chỉnh quy hoạch  
thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh  
quy hoạch.

**11.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định.

**11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a.** Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ trình;

(2) Đề cương đề án công trình bao gồm: Sự cần thiết phải điều chỉnh quy  
hoạch, nội dung tượng đài, tranh hoành tráng, địa điểm xây dựng, dự kiến quy  
mô, chất liệu, hình thức đầu tư, dự kiến tổng mức đầu tư, nguồn vốn và thời gian  
thực hiện.

**b.**Số lượng hồ sơ: Không quy định.

**11.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban  
nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt điều chỉnh quy hoạch  
thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh  
quy hoạch.

**11.5. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không quy định.

**11.6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**11.7. Kết quả thực hiện TTHC:**

Văn bản phê duyệt điều chỉnh quy hoạch của UBND tỉnh.

**11.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Không quy định.

**11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**11.11 Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ  
về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

**12. Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.**

12.1. Trình tự thực hiện:

**Bước 1: Cơ quan thành lập thư viện gửi thông báo**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập thư viện, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện phải gửi thông báo đến UBND tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

**Bước 2: Tiếp nhận và trả lời thông báo**

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, UBND tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, UBND tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

12.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến UBND tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

12.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

12.5. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh; Sở VHTTDL.

12.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan thành lập thư viện.

12.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đối với trường hợp sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản): Thông báo thành lập thư viện (dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành).

12.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

12.9. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện;

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành.

Mẫu số 03

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) ……1……------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------  …….., ngày….., tháng, ……năm …. |

THÔNG BÁO THÀNH LẬP THƯ VIỆN(Dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Kính gửi: ………………………2………………………………  
Ngày tháng năm…..,.………………3……………… đã ban hành Quyết định  
số……………………… về việc thành lập thư viện………………………………/thành  
lập……4….... trong đó có thư viện…………5………... (có Quyết định kèm theo).  
Thông tin về thư viện được thành lập như sau:

1. Thư viện

Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa):…………………………………………

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):……………………………………………...

Tên viết tắt (nếu có)………………………………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………..……….

Số điện thoại:……………….; Fax:…………………………………..……..

E-mail (nếu có):………………………. Website (nếu có):………………….

Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thư viện (nếu có)……………………

2. Đối tượng phục vụ ………………..……………..……………………….

3. Tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện ban đầu của thư viện

- Tổng số bản sách: ………………….………………………….………….Số đầu sách:

- Tổng số đầu báo, tạp chí:…………………………………………...…...…

- Tổng số đầu tài liệu số (nếu có)……………………………………………

- Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác:………………………….

(Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo)

4. Diện tích thư viện …………………………m2

Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:……… m2

5. Thông tin nhân sự của thư viện

- Giám đốc/người trực tiếp phụ trách thư viện:

+ Họ và tên: ……………………………………..…………………………

+ Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:....................................................  
+ Ngày tháng năm sinh:.........................................................................................

+ Địa chỉ:...............................................................................................................

+ Số điện thoại: ………………….…… E-mail:…………………..........………

- Tổng số người làm công tác thư viện:

6. Ngày bắt đầu hoạt động: ngày….. tháng……năm…………........…………

Theo quy định của Luật Thư viện, …………..1……….. trân trọng thông báo./.

|  |
| --- |
| QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(Ký, ghi rõ tên, đóng dấu) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
1 Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập thư viện; cơ sở giáo dục quản lý thư viện  
2 Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.  
3 Người/tổ chức có thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập thư viện.  
4 Đơn vị mà thư viện là một bộ phận trong đó (Áp dụng trong trường hợp thư viện không phải là đv độc lập).  
5 Tên thư viện.

**13. Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.**

13.1. Trình tự thực hiện:

**Bước 1: Cơ quan thành lập thư viện gửi thông báo**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện phải gửi thông báo đến UBND tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

**Bước 2: Tiếp nhận và trả lời thông báo**

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, UBND tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, UBND tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

13.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến UBND tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

13.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

13.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.5. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

13.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan thành lập thư viện.

13.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đối với trường hợp sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản): Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành).

13.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

13.9. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện;

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành.

Mẫu số 04

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  (nếu có) ……1……------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------  ……….ngày ....... tháng ....... năm….. |

THÔNG BÁO SÁP NHẬP/HỢP NHẤT/CHIA/TÁCH THƯ VIỆNKính gửi: …………………………2………………………………

Triển khai văn bản số .......... ngày............... của ......... /thỏa thuận của các bên liên quan3,  
…………1……………. đã thực hiện sáp nhập/hợp nhất/chia/tách4 thư viện cụ thể như sau:

1. Thông tin về thư viện trước sáp nhập/hợp nhất/chia/tách:

a) Tên thư viện: . .......................................................................................................

- Địa chỉ: ...................................................................................................................

- Thành lập theo Quyết định số........................../Văn bản thông báo số3................ của

…......................................................................................................................

(Trường hợp nhiều thư viện ghi đầy đủ thông tin của từng thư viện bị sáp nhập, hợpnhất, chia, tách).

b) Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin của thư viện5 và trao trả tài nguyên thông tin được tiếp nhận luân chuyển từ thư viện công lập (nếu có) (có phương án kèm theo).

2. Thông tin về thư viện sau sáp nhập/hợp nhất/chia/tách:

a) Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa): .......................................................................

Tên tiếng nước ngoài (nếu có): ...................................................................................

Tên viết tắt (nếu có): ...................................................................................................

Địa chỉ:……………………………………………………………..........…………

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố vàtương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

Số điện thoại:……………….; Fax:… ………………………………...............……..

E-mail (nếu có):……………………………. Website (nếu có):……............………

Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thư viện (nếu có)…........................................

b) Đối tượng phục vụ (đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục chỉ phải kê khai nếucó đối tượng phục vụ ngoài tổ chức): ………………..……………..…………….....…

c) Tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện của thư viện:

- Tổng số bản sách: ………………….………………………….…..............……….

- Tổng số đầu báo, tạp chí:…………………………………………..............…...…

- Tổng số đầu tài liệu số (nếu có)……………………………………..........………

- Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác:………………………..........….

(Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo).

d) Diện tích thư viện: …………………………m2

Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:…………… m2

đ) Thông tin nhân sự của thư viện

- Giám đốc/người trực tiếp phụ trách thư viện:

+ Họ và tên: ………………………………………………………............….……

+ Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:......................................................

+ Ngày tháng năm sinh:...........................................................................................

+ Địa chỉ:..................................................................................................................

+ Số điện thoại: ………………….… E-mail:…………………..............…………

- Tổng số người làm công tác thư viện:

e) Bắt đầu hoạt động từ ngày……tháng…… năm…..

3. Thông tin về thư viện chấm dứt hoạt động sau sáp nhập/hợp nhất/chia/tách

Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa): ................................................................... sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày……tháng…… năm…..

Theo quy định của Luật Thư viện, ...........1............................ trân trọng thông báo đến  
……………2…………………………../.

|  |
| --- |
| CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂNTHÀNH LẬP THƯ VIỆN(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Tên cơ quan thành lập thư viện.

2 Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.  
3 Đối với thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.  
4 Chỉ ghi nội dung sáp nhập hoặc hợp nhất hoặc chia hoặc tách thư viện.

5 Đối với thư viện công lập.

**14. Thủ tục thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.**

14.1. Trình tự thực hiện:

**Bước 1: Cơ quan thành lập thư viện gửi thông báo**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định giải thể thư viện, cơ quan, tổ chức thành lập thư viện phải gửi thông báo đến UBND tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

**Bước 2: Tiếp nhận và trả lời thông báo**

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, UBND tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu theo quy định, UBND tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ.

14.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến UBND tỉnh nơi thư viện đặt trụ sở.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện (theo Mẫu M03 quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

14.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.5. Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

14.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan thành lập thư viện.

14.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đối với trường hợp sử dụng hình thức thông báo bằng văn bản): Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện (theo Mẫu M03 quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

14.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

14.9. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

Mẫu M03

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  (nếu có)1………… ……………. | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: ………/TB-TV | … …, ngày… … tháng…… năm …… |

THÔNG BÁOVề việc giải thể2/chấm dứt hoạt động của thư viện3

Kính gửi: ………………4………………..………….  
……………..5............................... trân trọng thông báo:

Tên thư viện (viết chữ in hoa): .......................................................

Địa chỉ: .........................................................................................

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương)

Hoạt động từ ngày….. tháng.….. năm..... theo Quyết định số..............6/ Thông báo hoạt động thư viện ngày…………và Văn bản trả lời số…………….7 ngày…. tháng…. năm……của...................................

sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày……tháng…… năm…..

Lý do chấm dứt hoạt động:.........................................................................

Hồ sơ kèm theo:

4. Quyết định/Thông báo thành lập thư viện.

5. Quyết định giải thể thư viện (đối với thư viện công lập);

6. Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin thư viện theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt6/Hồ sơ chuyển giao tài nguyên thông tin7.

Theo quy định của Luật Thư viện, ............5..................... trân trọng thông báo./.

CƠ QUAN THÀNH LẬP THƯ VIỆN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯ VIỆN (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu )

1 Tên cơ quan, tổ chức thành lập thư viện; cơ sở giáo dục có thư viện.  
2 Áp dụng đối với các trường hợp giải thể thư viện công lập.  
3 Áp dụng đối với các trường hợp tự chấm dứt hoạt động của thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ  
cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam; chấm dứt hoạt động của thư viện của tổ chức khác.  
4 Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.  
5 Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện.  
6 Đối với thư viện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục.  
7 Đối với thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

**15. Thủ tục phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng.**

**15.1. Trình tự thực hiện:**

\* UBND cấp huyện:

Bước 1: Lựa chọn và lập danh mục, tiểu sử, ý nghĩa tên dùng để đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn;

Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các nhà khoa học, chuyên môn;

Bước 3: Hoàn thiện hồ sơ gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn tỉnh)*.

\* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp huyện;

Bước 2: Tổng hợp, nghiên cứu xác lập ngân hàng tên *(danh mục tên được lựa chọn xếp theo vần A, B, C...; phân nhóm)*báo cáo Hội đồng tư vấn tỉnh;

Bước 3: Hội đồng tư vấn tiến hành họp thẩm định danh mục/danh mục bổ sung đề nghị đưa vào ngân hàng tên đường;

Bước 4: Tổng hợp ý kiến của Hội đồng tư vấn trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục/danh mục bổ sung.

\* UBND tỉnh:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn tỉnh)*;

Bước 2: UBND tỉnh tiến hành họp thành viên UBND tỉnh xem xét Quyết định phê duyệt danh mục/danh mục bổ sung ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh.

**15.2. Cách thức thực hiện**:

Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***a.* *Thành phần hồ sơ:***

(1) Hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn)*trình UBND tỉnh, gồm có:

- Tờ trình của Hội đồng tư vấn đề nghị phê duyệt danh mục/danh mục bổ sung ngân hàng tên đường và công trình công cộng.

- Danh mục ngân hàng tên, tiểu sử, ý nghĩa tên dùng để đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn *(danh mục tên được lựa chọn xếp theo vần A, B, C...; phân nhóm).*

- Báo cáo tổng hợp kết quả họp thành viên Hội đồng tư vấn.

(2) Hồ sơ của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh *(thông qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn tỉnh)*, gồm có:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục/danh mục bổ sung ngân hàng tên đường và công trình công cộng.

- Danh mục đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng (*có ghi chú tóm tắt tiểu sử, ý nghĩa*).

- Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các nhà khoa học, chuyên môn.

***b. Số lượng hồ sơ:***Không quy định.

**15.4. Thời hạn giải quyết:**Không quy định.

**15.5. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan Đảng, Mặt trận, Tổ chức chính trị xã hội.

**15.6. Đối tượng thực hiện TTHC:**UBND cấp huyện.

**15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục/danh mục bổ sung ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh.

**15.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**Không quy định.

**15.9. Phí, lệ phí:**Không quy định.

**15.10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**Không quy định.

**15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số [91/2005/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-91-2005-nd-cp-quy-che-dat-ten-doi-ten-duong-pho-cong-trinh-cong-cong-2318.aspx) ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số [36/2006/TT-BVHTT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-36-2006-tt-bvhtt-huong-dan-thuc-hien-quy-che-dat-ten-doi-ten-duong-pho-cong-trinh-cong-cong-kem-nghi-dinh-91-2005-nd-cp-10847.aspx) ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số [91/2005/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-91-2005-nd-cp-quy-che-dat-ten-doi-ten-duong-pho-cong-trinh-cong-cong-2318.aspx) ngày 11/7/2005 của Chính phủ.

**16. Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh. (Đối với đường và công trình có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng)**

**16.1. Trình tự thực hiện:**

\* UBND cấp xã:

- Bước 1: Lập danh mục đường và công trình công cộng cần đặt tên, đổi tên; tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng các đường và công trình công cộng dự kiến đặt tên, đổi tên; lập danh mục các tuyến đường và công trình công cộng cần đặt tên, đổi tên;

- Bước 2: Lập Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Bước 3: Tổ chức họp dân để Nhân dân tham gia ý kiến;

- Bước 4: Hoàn thiện hồ sơ gửi UBND cấp huyện.

\* UBND cấp huyện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã;

- Bước 2: Lập Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên cơ sở đề xuất của UBND cấp xã;

- Bước 3: UBND cấp huyện trình xin ý kiến Ban Thường vụ cấp huyện.

- Bước 4: Hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn tỉnh)*.

\* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn tỉnh):*

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp huyện;

- Bước 2: Tổ chức họp Hội đồng Tư vấn đặt tên đường;

- Bước 3: Trình UBND tỉnh, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết.

- Bước 4: Sau khi có chủ trương của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan chuyên môn. Đăng cổng thông tin (30 ngày).

- Bước 5: Báo cáo tổng hợp ý kiến. Hoàn chỉnh hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- Bước 6: Tiếp thu giải trình ý kiến của Sở Tư pháp; hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh.

\* UBND tỉnh:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn tỉnh);*

Bước 2: Sau khi hết thời gian lấy ý kiến, UBND tỉnh tiến hành họp Thành viên UBND tỉnh và hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

\* Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng theo trình tự Luật định.

\* Tổ chức việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng.

- Căn cứ Quyết định triển khai Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng có hiệu lực, trong thời hạn 30 ngày, UBND cấp huyện và chủ đầu tư công trình công cộng thực hiện việc gắn biển tên, đồng thời phải công bố và phổ biến rộng rãi cho Nhân dân biết.

**16.2. Cách thức thực hiện:**

Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***a. Thành phần hồ sơ:***

(1) Hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn)*trình UBND tỉnh, gồm có:

- Tờ trình của Hội đồng tư vấn đề nghị đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Danh mục đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng (*có ghi chú tóm tắt tiểu sử, ý nghĩa*);

- Danh sách tiểu sử, ý nghĩa, lý lịch các tên nhân vật lịch sử, địa danh, sự kiện... dự kiến để đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Bản đồ xác định vị trí cụ thể đường và công trình công cộng dự kiến đặt tên;

- Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến tham gia của các cấp, các ngành và Nhân dân vào những nội dung được lấy ý kiến.

(2) Hồ sơ của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh *(thông qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn tỉnh)*, gồm có:

- Tờ trình đề nghị đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Danh mục đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng (*có ghi chú tóm tắt tiểu sử, ý nghĩa*);

- Danh sách tiểu sử, ý nghĩa, lý lịch các tên nhân vật lịch sử, địa danh, sự kiện... dự kiến để đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Bản đồ xác định vị trí cụ thể đường và công trình công cộng dự kiến đặt tên;

- Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến tham gia của các cấp, các ngành và Nhân dân vào những nội dung được lấy ý kiến;

- Các tài liệu khác có liên quan đến yêu cầu về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng do Hội đồng tư vấn tỉnh yêu cầu.

(3) Hồ sơ của UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện xem xét, quyết định gồm có:

- Tờ trình của UBND xã, phường, thị trấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Danh mục đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng (*có ghi chú tóm tắt tiểu sử, ý nghĩa*);

- Danh sách tiểu sử, ý nghĩa, lý lịch các tên nhân vật lịch sử, địa danh, sự kiện... dự kiến để đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng;

- Bản đồ xác định vị trí cụ thể đường và công trình công cộng dự kiến đặt tên;

- Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến tham gia của các cấp, các ngành và Nhân dân vào những nội dung được lấy ý kiến;

- Biên bản họp dân nơi các tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt tên, đổi tên (*có sự tham gia của đại diện chính quyền, cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, cán bộ hưu trí*);

- Các tài liệu khác có liên quan đến yêu cầu về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng do Hội đồng tư vấn tỉnh yêu cầu.

***b. Số lượng hồ sơ***: Không quy định.

**16.4. Thời hạn giải quyết**: Không quy định

**16.5. Cơ quan giải quyết TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan Đảng, Mặt trận, Tổ chức chính trị xã hội.

**16.6. Đối tượng thực hiện TTHC**:UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

**16.7. Tên mẫu đơn , mẫu tờ khai hành chính:**Không quy định.

**16.8. Phí, lệ phí:**Không quy định.

**16.9. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng.

- Quyết định của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa qua trọng.

***16.10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:***Không quy định.

***16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Nghị định số [91/2005/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-91-2005-nd-cp-quy-che-dat-ten-doi-ten-duong-pho-cong-trinh-cong-cong-2318.aspx) ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số [36/2006/TT-BVHTT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-36-2006-tt-bvhtt-huong-dan-thuc-hien-quy-che-dat-ten-doi-ten-duong-pho-cong-trinh-cong-cong-kem-nghi-dinh-91-2005-nd-cp-10847.aspx) ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số [91/2005/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-91-2005-nd-cp-quy-che-dat-ten-doi-ten-duong-pho-cong-trinh-cong-cong-2318.aspx) ngày 11/7/2005 của Chính phủ.

**17. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III**

**17.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**17.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**17.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**17.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**17.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**17.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III.

**17.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**17.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**17.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh ”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đạo diễn nghệ thuật.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Nắm được các hình thức và phương pháp sáng tác;

- Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ;

- Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả công tác nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh đạo diễn nghệ thuật hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**17.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**18. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II**

**18.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**18.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**18.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**18.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**18.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**18.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II.

**18.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**18.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**18.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đạo diễn nghệ thuật.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Nắm vững các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;

- Có kinh nghiệm trong sáng tác, dàn dựng, chỉ huy;

- Có khả năng nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III hoặc tương đương có ít nhất 01 tác phẩm, chương trình dàn dựng được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật hoặc có ít nhất 01 tác phẩm, chương trình dàn dựng được tặng giải thưởng tại các cuộc thi, liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp (hoặc cấp quốc gia).

+ Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

**18.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**19. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I**

**19.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**19.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**19.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**19.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**19.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**19.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I.

**19.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**19.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**19.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đạo diễn nghệ thuật.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Nắm vững kiến thức tổng hợp về các loại hình văn học nghệ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật; các thành tựu khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ;

- Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác, dàn dựng, chỉ huy;

- Có năng lực chỉ đạo, khả năng nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn; có khả năng đề xuất các giải pháp sáng tạo nghệ thuật.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II lên chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II hoặc tương đương có ít nhất 02 tác phẩm, chương trình dàn dựng được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật hoặc có ít nhất 02 tác phẩm, chương trình dàn dựng được tặng giải thưởng tại các cuộc thi, liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc (hoặc cấp quốc gia).

+ Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật.

**19.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**20. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III**

**20.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**20.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**20.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**20.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**20.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**20.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III.

**20.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**20.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**20.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức diễn viên.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Có năng khiếu về lĩnh vực chuyên ngành;

- Nắm được kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, đặc trưng cơ bản của các môn nghệ thuật kết hợp, kiến thức cơ bản về các môn khoa học kỹ thuật có liên quan;

- Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL):

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

b) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh diễn viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**20.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**21. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II**

**21.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**21.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**21.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**21.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**21.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**21.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II.

**21.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**21.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**21.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức diễn viên.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Có tài năng nghệ thuật về lĩnh vực chuyên ngành;

- Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, vận dụng vào việc sáng tạo hình tượng nghệ thuật; đặc trưng cơ bản và đặc điểm của các môn nghệ thuật kết hợp, kiến thức cơ bản về các môn khoa học kỹ thuật có liên quan;

- Có khả năng nghiên cứu, đề xuất và phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III hoặc tương đương có ít nhất 01 giải thưởng diễn viên xuất sắc được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận hoặc có ít nhất 01 vai diễn, tiết mục được giải thưởng cao nhất trong các cuộc thi, liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc (hoặc cấp quốc gia).

+ Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

**21.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**22. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I**

**22.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**22.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**22.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**22.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**22.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**22.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I.

**22.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**22.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**22.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức diễn viên.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;

- Có tài năng nghệ thuật về lĩnh vực chuyên ngành;

- Nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, vận dụng vào việc sáng tạo hình tượng nghệ thuật; đặc trưng cơ bản và đặc điểm của các môn nghệ thuật kết hợp, kiến thức cơ bản về các môn khoa học kỹ thuật có liên quan;

- Có khả năng nghiên cứu, đề xuất và phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III hoặc tương đương có ít nhất 01 giải thưởng diễn viên xuất sắc được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận hoặc có ít nhất 01 vai diễn, tiết mục được giải thưởng cao nhất trong các cuộc thi, liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc (hoặc cấp quốc gia).

+ Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

**22.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**23. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III**

**23.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**23.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**23.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**23.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**23.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**23.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III.

**23.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**23.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**23.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành di sản văn hoá như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**23.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

**24. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II**

**24.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 13/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**24.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**24.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**24.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**24.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**24.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II.

**24.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**24.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**24.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành di sản văn hoá như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Am hiểu kiến thức về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy phạm về các hoạt động nghiệp vụ, kỹ thuật bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được giao tham mưu, quản lý;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III hoặc tương đương đã tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản nghiệp vụ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành, nghiệm thu hoặc phê duyệt.

**24.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**25. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I**

**25.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**25.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**25.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**25.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**25.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**25.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I.

**25.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**25.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**25.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành di sản văn hoá như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất, tham mưu xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II hoặc tương đương đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành trở lên trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt hoặc đã chủ trì thực hiện ít nhất 02 cuộc sưu tầm, khai quật khảo cổ, trưng bày quy mô quốc gia và quốc tế.

**25.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hoá.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**26. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III**

**26.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**26.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**26.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**26.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**26.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**26.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III.

**26.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**26.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**26.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành văn hoá cơ sở như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp phương pháp viên.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

- Có kiến thức cơ bản về quản lý công tác văn hóa cơ sở; có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực văn hóa cơ sở;

- Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp và tham mưu soạn thảo các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh phương pháp viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**26.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

**27. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II**

**27.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**27.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**27.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**27.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**27.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**27.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II.

**27.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**27.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**27.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành văn hoá cơ sở như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp phương pháp viên.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

- Nắm vững lịch sử, văn hóa, xã hội của từng vùng, miền;

- Am hiểu các phương pháp quản lý và có kinh nghiệm về công tác tổ chức và hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và soạn thảo các văn bản trong lĩnh vực văn hóa cơ sở;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**27.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**28. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III**

**28.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**28.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**28.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**28.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**28.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**28.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III.

**28.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**28.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**28.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành văn hoá cơ sở như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

- Nắm được các hình thức và phương pháp tiến hành công tác văn hóa quần chúng và câu lạc bộ; nguyên lý sư phạm và những kỹ năng, phương pháp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có kiến thức cơ bản về công tác văn hóa cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp và soạn thảo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ văn hóa cơ sở được phân công phụ trách;

- Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác chuyên môn;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh hướng dẫn viên văn hóa hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**28.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

**29. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II**

**29.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**29.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**29.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**29.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**29.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**29.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II.

**29.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**29.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**29.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành văn hoá cơ sở như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hoá.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

- Nắm vững hình thức và phương pháp tiến hành công tác văn hóa quần chúng và câu lạc bộ;

- Nắm vững nguyên lý sư phạm và những kỹ năng, phương pháp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; có kinh nghiệm hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ văn hóa cơ sở;

- Am hiểu công tác văn hóa cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và soạn thảo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa cơ sở;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hoá hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**29.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**30. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên**

**30.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**30.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**30.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**30.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**30.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**30.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên.

**30.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**30.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**30.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành thể dục thể thao như sau:

- Tâm huyết với nghề, nhiệt tình, trách nhiệm và bảo đảm yêu cầu về thời gian, chất lượng với công việc được giao.

- Thẳng thắn, trung thực, khách quan, làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; thái độ lịch sự, khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với Nhân dân; tôn trọng đồng nghiệp; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực thể dục thể thao;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao;

- Hiểu biết luật, điều lệ thi đấu để vận dụng chỉ đạo trong tập luyện, thi đấu thể thao;

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; nắm chắc các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao;

- Hiểu biết các nguyên lý cơ bản về giáo dục học, tâm lý học và y sinh học thể dục thể thao và vận dụng vào công tác huấn luyện các vận động viên có lứa tuổi, giới tính, trình độ khác nhau;

- Biết sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện;

- Hiểu biết các quy định về phòng, chống Doping trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**30.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

**31. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính**

**31.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với UBND tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của UBND tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo UBND tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**31.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**31.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**31.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**31.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**31.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính.

**31.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**31.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**31.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành thể dục thể thao như sau:

- Tâm huyết với nghề, nhiệt tình, trách nhiệm và bảo đảm yêu cầu về thời gian, chất lượng với công việc được giao.

- Thẳng thắn, trung thực, khách quan, làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; thái độ lịch sự, khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với Nhân dân; tôn trọng đồng nghiệp; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực thể dục thể thao;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao;

- Hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận, phương pháp giáo dục thể chất, học thuyết huấn luyện thể thao, kỹ thuật, chiến thuật và xu hướng phát triển kỹ thuật, chiến thuật của môn thể thao ở trong nước và trên thế giới; các kiến thức về giáo dục học, tâm lý học, y sinh học thể dục thể thao, dinh dưỡng, các quy định về phòng, chống doping trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Nắm vững và vận dụng đúng các quy định luật thi đấu của môn thể thao; điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của liên đoàn môn thể thao trong nước và quốc tế;

- Biết sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao;

- Tổ chức phối hợp với đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng công tác huấn luyện thể thao;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên lên chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên(hạng III)hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III)tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III) hoặc tương đương đã trực tiếp huấn luyện, đào tạo vận động viên đạt ít nhất một trong các thành tích sau: huy chương tại Đại hội thể thao toàn quốc; các giải vô địch quốc gia; cup quốc gia; giải vô địch trẻ từng môn châu Á, thế giới hoặc thành tích quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 4 Thông tư này.

**31.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

- Thông tư số 03/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

**32. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III**

**32.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật, được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**32.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**32.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**32.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**32.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**32.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III.

**32.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**32.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**32.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành mỹ thuật như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật mỹ thuật; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật mỹ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực mỹ thuật;

- Nắm được các hình thức và phương pháp sáng tác;

- Khai thác, sử dụng thành thạo 01 chất liệu trong sáng tác, thể hiện công trình, tác phẩm;

- Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về mỹ thuật;

- Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả hoạt động mỹ thuật.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh họa sĩ hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**32.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

**33. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II**

**33.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**33.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**33.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**33.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**33.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**33.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II.

**33.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**33.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**33.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành mỹ thuật như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật mỹ thuật; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật mỹ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực mỹ thuật;

- Nắm được kiến thức tổng hợp về các loại hình mỹ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật liên quan; các thành tựu khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ mỹ thuật;

- Nắm được các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;

- Biết khai thác, sử dụng thành thạo các chất liệu, có kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác;

- Có khả năng nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn về mỹ thuật.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III hoặc tương đương có ít nhất 01 công trình, tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật hoặc được tặng giải thưởng tại các cuộc thi, liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp, triển lãm về văn học, nghệ thuật toàn quốc (hoặc cấp quốc gia).

+ Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

**33.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**34. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng I**

**34.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**34.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**34.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng I, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng I, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**34.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**34.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**34.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng I.

**34.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**34.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**34.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành mỹ thuật như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật mỹ thuật; có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật mỹ thuật truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với công chúng; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực mỹ thuật;

- Nắm vững kiến thức tổng hợp về các loại hình mỹ thuật; đặc trưng, đặc điểm của các môn nghệ thuật liên quan; các thành tựu khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước liên quan đến nghiệp vụ mỹ thuật;

- Nắm vững các hình thức, phương pháp sáng tác và các quy trình kỹ thuật nghiệp vụ liên quan;

- Khai thác, sử dụng thành thạo các chất liệu; có kinh nghiệm trong hoạt động sáng tác, thể hiện các công trình, tác phẩm;

- Có năng lực chỉ đạo và phối hợp với đồng nghiệp trong tổ chức các hoạt động chuyên môn về mỹ thuật; có khả năng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp sáng tạo về lĩnh vực mỹ thuật.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng I:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng III lên chức danh nghề nghiệp Hoạ sỹ hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II hoặc tương đương có ít nhất 02 công trình, tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành cấp Bộ hoặc tương đương công nhận về chất lượng nghệ thuật hoặc được tặng giải thưởng tại các cuộc thi, liên hoan, hội diễn chuyên nghiệp, triển lãm về văn học, nghệ thuật toàn quốc (hoặc cấp quốc gia).

+ Được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật.

**34.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**35. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III**

**35.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**35.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**35.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**35.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**35.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**35.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III.

**35.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**35.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**35.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành thư viện như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tôn trọng quyền tiếp cận và sử dụng thư viện của mọi tầng lớp nhân dân theo quy định của pháp luật. Có ý thức cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ thư viện.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin-thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin-thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;

- Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về thư viện;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

- Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện sử dụng tiện ích thư viện để tiếp cận và khai thác thông tin;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**35.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ VHTTDL quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện

**36. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II**

**36.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**36.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**36.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**36.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**36.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**36.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II.

**36.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**36.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**36.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành thư viện như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tôn trọng quyền tiếp cận và sử dụng thư viện của mọi tầng lớp nhân dân theo quy định của pháp luật. Có ý thức cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ thư viện.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;

- Am hiểu kiến thức về nghiệp vụ thư viện;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ thư viện được giao tham mưu, quản lý;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III hoặc tương đương đã tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản nghiệp vụ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực thư viện từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành, nghiệm thu hoặc phê duyệt.

**36.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**37. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I**

**37.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**37.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**37.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**37.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**37.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**37.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I.

**37.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**37.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**37.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành thư viện như sau:

- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tôn trọng quyền tiếp cận và sử dụng thư viện của mọi tầng lớp nhân dân theo quy định của pháp luật. Có ý thức cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ thư viện.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;

- Có kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ thư viện;

- Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất, tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật, đề án, chương trình hoạt động về thư viện;

- Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thư viện;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III lên chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II hoặc tương đương đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành trở lên trong lĩnh vực thư viện đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt hoặc chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, thông tin thư mục quốc gia, mục lục liên hợp quốc gia, quốc tế.

**37.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Thông tư số 02/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hoá, văn hoá cơ sở, tuyên truyền viên văn hoá, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

**38. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hoá**

**38.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống (sau khi có ý kiến thoả thuận của Sở Nội vụ).

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**38.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**38.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**38.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**38.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**38.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá.

**38.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**38.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**38.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá như sau:

- Có trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền;

- Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;

- Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;

- Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền;

- Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá trung cấp lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hoá trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hoá trung cấp tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**38.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá.

**39. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hoá lên Tuyên truyền viên văn hoá chính**

**39.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo thẩm quyền quy định.

- Cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử xét thăng hạng và lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

**Bước 2. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

*(1) Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Quyết định chỉ tiêu thăng hạng phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

+ Phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 33 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

+ Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 115/2020/NĐ-CP:

+ Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng I trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt.

- Sở Nội vụ tỉnh:

+ Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II.

*(2) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án được quy đinh chi tiết tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; cơ cấu tổ chức của Hội đồng xét thăng hạng được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời gian xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

*(3) Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:*

- Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đối với viên chức xét thăng hạng và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:**

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở, được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ;

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số;

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với Uỷ ban nhân dân tỉnh và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Bước 4. Thông báo kết quả xét thăng hạng:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

**Bước 5. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**39.2. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích.

**39.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:**

***a) Thành phần hồ sơ:***

*(1) Đối với viên chức được cử xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá chính, hồ sơ đăng ký bao gồm:*

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các Quyết định liên quan đến: tuyển dụng, công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

*(2) Đối với cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá chính, hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 02 bộ.

**39.4. Thời hạn giải quyết**: 60 ngày làm việc.

**39.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**39.6. Đối tượng thực hiện:** Viên chức; cơ quan, đơn vị cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá chính.

**39.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**39.8 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**39.9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chưc danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

(1) Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá như sau:

- Có trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

- Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn; làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; có thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

(2) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

(3) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp:

- Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền;

- Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;

- Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;

- Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền;

- Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá chính:

Viên chức từ chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá lên chức danh nghề nghiệp Tuyên truyền viên văn hoá chính phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL):

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật3Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**39.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-85-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-590467.aspx) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-115-2020-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-quan-ly-vien-chuc-453968.aspx).

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành tuyên truyền viên văn hoá.

- Thông tư số 03/2024/TT-BVHTTDL ngày 17/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

**40. Thủ tục thông báo tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội bằng hình thức băng rôn, bảng**

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính).*

+ Văn thư: Tiếp nhận hồ sơ, vào sổ văn bản đến, đóng dấu văn bản đến; Chuyển hồ sơ trình lãnh đạo Văn phòng cho ý kiến để chuyển hồ sơ Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình tham mưu.

+ Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình: Thẩm định hồ sơ, soạn thảo văn bản trả lời trình Ban giám đốc Sở VHTTDL phê duyệt qua hệ thống Egov.

+ Ban giám đốc Sở VHTTDL: Phê duyệt văn bản trả lời của Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, chuyển văn bản đến Văn thư để phát hành.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống eGov hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản thông báo;

+ Maket thực hiện tuyên truyền;

+ Các văn bản liên quan nội dung tuyên truyền.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (đề xuất).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tất cả các cơ quan, ban, ngành.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục)*: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Quyết định số 2756/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về Phê duyệt “Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

+ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**41. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”**

***\* Trình tự thực hiện:***

- UBND cấp xã gửi Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” đến UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

- UBND cấp huyện lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định tặng danh hiệu (Mẫu số 12 của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP) và bằng chứng nhận “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

***\* Cách thức thực hiện:*** Không quy định.

***\* Thành phần, số lượng hồ sơ:***

*- Thành phần hồ sơ:* UBND cấp huyện lập hồ sơ bao gồm:

(1) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(2) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(3) Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

*- Số lượng hồ sơ:* Không quy định.

***\* Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

***\* Đối tượng thực hiện TTHC:***  UBND cấp huyện.

***\* Cơ quan giải quyết TTHC:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: không quy định.

***\* Kết quả thực hiện TTHC:***

Quyết định tặng danh hiệu và và bằng chứng nhận “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

***\* Phí, lệ phí:*** Không quy định.

***\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”(theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo NĐ số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của CP).

- Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ).

- Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ)

***\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:*** Không quy định

***\* Căn cứ pháp lý của TTHC:*** Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

**Mẫu số 07**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ ……….**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** Số:        /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *……….(1)…., ngày …. tháng …. năm ……* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu**

**“Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ….**(2)**….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số ... /2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20… của UBND tỉnh …(5)… quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh/thành phố…(5)……;

Xét thành tích của xã/phường/thị trấn ….(3)….. và Biên bản họp xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm …(2).. ngày … tháng … năm … của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh……..(4) ………,

Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố …(5)… xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm … (2) cho các đơn vị có tên sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên xã/phường/thị trấn** | **Thành tích** |
|  |  |  |
|  |  |  |

*(Kèm theo Tờ trình: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của đơn vị trình khen;báo cáo thành tích).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBND …;  - Ban TĐKT …;  - Lưu: VT, …(..). | **TM. UBND QUẬN/HUYỆN …(4)…**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(3) Tên xã/phường/thị trấn được xét tặng danh hiệu văn hóa.

(4) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh đề nghị.

(5) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định tặng danh hiệu văn hóa.

**Mẫu số 08**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN …**(3)**…**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** Số:     /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *…(1)…., ngày …. tháng …. năm ……* |

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH**

**Đạt danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ….**(2)**….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: UBND quận/huyện/thị xã/thành phố …(4)…

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số ... /2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20… của UBND tỉnh …(5)… quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh/thành phố…(5)……;

Xã/Phường/Thị trấn ….(3)…. báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm …(2)…, cụ thể như sau:

**I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

Nêu rõ đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn của xã/phường/thị trấn …(3)… đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm …(2) …

**II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC**

Nêu rõ những thành tích xã/phường/thị trấn …(3)… đạt được trong năm …(2)… theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBND …;  - HĐ TĐKT …;  - Lưu: VT, … | **TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN ….** (4) **…**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(3) Tên xã/phường/thị trấn được xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(4) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh đề nghị.

(5) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**Mẫu số 09**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***….(1)…., ngày …. tháng …. năm ……*

**BIÊN BẢN HỌP**

**Hội đồng thi đua quận/huyện/thị xã/thành phố ………….**

**về việc xét, đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”**

**Năm ...** (2) **….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thời gian: ………… giờ ………. phút, ngày .... tháng .... năm ………………

Địa điểm: …………(5)…………………………………………………………

Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã/thành phố ….(3)….. tiến hành họp bình xét, đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm …(2)….

Chủ trì cuộc họp: ……………………………………………………………….

Thư ký cuộc họp: ……………………………………………………………….

Các thành viên tham dự (vắng …….), gồm:

1. ……………………………………… Chức vụ:…………………………….;

2. ……………………………………… Chức vụ:…………………………….;

. ……………………………………… Chức vụ:……………………………..;

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã ….(3)……… phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của các xã, phường, thị trấn đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm …(2); các thành viên tham dự họp thảo luận, biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín). Kết quả: …% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Chủ tịch UBND quận/huyện/thị xã/thành phố …. (3) … trình Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố … (4)… ban hành quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ..(2) cho các các đơn vị có tên sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Thành tích** |
|  |  |  |
|  |  |  |

Cuộc họp kết thúc vào hồi ………giờ ....phút, ngày ... tháng .... năm…

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **CHỦ TRÌ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(3) Tên quận/huyện/thị xã/thành phố đề nghị.

(4) Tên tỉnh/thành phố ban hành quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.

**42. Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch (địa phương)**

**42.1. Trình tự thực hiện**

**Bước 1:** Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn, các tổ chức thuộc hệ thống quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao khi phát hiện hoặc nhận được thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Việt Nam và của tỉnh Tây Ninh, có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để chủ động tham mưu UBND tỉnh thông tin giải thích, làm rõ định hướng dư luận và tổng hợp, thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ địa phương xử lý, khắc phụ tình trạng thông tin sai lệch.

**Bước 2:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sau khi nhận được văn bản sẽ rà soát, phối hợp với các cơ quan liên quan làm rõ, xác minh các thông tin.

**Bước 3:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho UBND tỉnh văn bản thông cáo báo chí, làm rõ các thông tin sai lệch.

**Bước 4:** UBND tỉnh phê duyệt, ban hành thông cáo báo chí giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch.

**42.2. Cách thức thực hiện:**gửi trực tiếp, trực tuyến qua Hệ thống xử lý Văn bản Điện tử và Điều hành (eGov).

**42.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

42.3.1. Thành phần hồ sơ

Văn bản thông báo của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn, các tổ chức thuộc hệ thống quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

42.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**42.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**42.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn, các tổ chức thuộc hệ thống quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

**42.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**42.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Thông cáo báo chí giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch.

**42.8. Phí, lệ phí**(nếu có): không.

**42.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai** (nếu có):không

**42.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (nếu có):không.

**42.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước.

**43. Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu đối với xuất bản phẩm dạng in**

**43.1 Trình tự thực hiện**

43.1.1. Chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành, tất cả xuất bản phẩm phải nộp lưu chiểu cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, cụ thể như sau:

a) Cơ quan, tổ chức được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép xuất  
bản phải nộp 02 (hai) bản cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trường hợp số lượng in dưới 300 (ba trăm) bản thì nộp 01 (một) bản cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Xuất bản phẩm có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiểu.

43.1.2. Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiểu phải kèm theo 01 (một) tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiểu theo mẫu quy định (Mẫu số 12).

Thời điểm nộp xuất bản phẩm lưu chiểu được xác định tại phần ký nhận của cơ quan nhận lưu chiểu trong tờ khai lưu chiểu.

43.1.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức kho lưu chiểu để thực hiện lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiểu trong thời gian 24 tháng để khai thác, sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Hết thời hạn lưu giữ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được chuyển giao  
xuất bản phẩm lưu chiểu cho cơ quan, tổ chức khác để phục vụ bạn đọc. Việc chuyển giao xuât bản phẩm phải lập thành biên bản và có danh mục xuất bản phẩm kèm theo.

**43.2. Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý về hoạt động xuất bản;

- Nộp qua dịch vụ bưu chính.

**43.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

43.3.1. Thành phần hồ sơ

- Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiểu (02 bản);

- Xuất bản phẩm nộp lưu chiểu đúng số lượng quy định và bảo đảm yêu cầu sau: Đối với tài liệu không kinh doanh được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp  
giấy phép xuât bản: Trên trang in số giấy phép xuất bản, phải có dấu và chữ ký của lãnh đạo cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản.

43.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**43.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**43.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành cshính:** Cơ quan, tổ chức được Sở  
Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản.

**43.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**43.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiểu được xác nhận.

**43.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**43.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

**43.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**43.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 0l/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

- Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Mẫu số 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)**  **CƠ QUAN, TỔ CHỨC**    Số:………../……. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**      *…..., ngày.....tháng....năm.......* |

**TỜ KHAI**

**Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu**

**và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Kính gửi:......................................................................

**I. PHẦN GHI CỦA ĐƠN VỊ NỘP XUẤT BẢN PHẨM**

1. Tên xuất bản phẩm nộp lưu chiểu:…………………………………………

2. Tên tác giả:……………….......... ; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có);

***3.***Họ và tên biên tập viên:.........................

4.  Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản:…ngày….tháng…năm…

5. Số Quyết định xuất bản (nếu có):….…………………….ngày…tháng……năm……

6. Số tập:..................................................................................................................

7. Lần xuất bản:.......................................................................................................

8. Ngôn ngữ dịch (nếu là sách dịch):......................................................................

9. Ngữ xuất bản:......................................................................................................

10. Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng)*:*..........trang (……..byte)

11. Khuôn khổ hoặc định dạng tệp:.........................................................................

12. Số lượng in:.............................................. bản

13. Tên và địa chỉ cơ sở in *(nếu chế bản, in, gia công sau in tại nhiều cơ sở in phải ghi đủ thông tin của từng cơ sở in):  
...............................................................................................................................................*

14. Giá bán lẻ trên xuất bản phẩm (nếu có):.....

15. Địa chỉ website đăng tải hoặc tên nhà cung cấp xuất bản phẩm điện tử:.........

16. Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có).......................................

17. Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có)………………...............................

18. Bản quyền thuộc (Nhà nước, công chúng, đối tác liên kết, nhà xuất bản, tác giả)  
…………………………………………………………………………………….

Thời hạn (vĩnh viễn, có thời hạn)………………………………………………...

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP XUẤT BẢN PHẨM**  *(Ký tên, ghi rõ họ tên)* | **GIÁM ĐỐC/TGĐ NXB**  **(NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CQ, TC)**  *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN NHẬN XUẤT BẢN PHẨM**

Đã nhận đủ số lượng xuất bản phẩm theo quy định của Luật xuất bản

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…. tháng… năm….…*  **NGƯỜI NHẬN**  *(Ký tên và ghi rõ họ tên)* |